

# TÁC ĐỘNG GIỮA TOÀN CẦU HÓA VỀ KINH TẾ VÀ CÁC THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ - PHÁP LUẬT

*Nguyễn Văn Mạnh\**

Làn sóng toàn cầu hóa (TCH) về kinh tế đã và đang tác động mạnh mẽ đối với tiến trình phát triển của mỗi một quốc gia, dân tộc cũng như các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v. trên phạm vi toàn cầu. Tác động của toàn cầu hóa kinh tế dẫn đến sự hình thành "trật tự thế giới mới" thể hiện tập trung ở thể chế chính trị - pháp luật toàn cầu, thể chế chính trị - pháp luật khu vực và ở mỗi quốc gia, dân tộc. Ngược lại các thể chế chính trị - pháp luật toàn cầu, khu vực cũng như ở mỗi quốc gia, dân tộc cũng tác động mạnh mẽ đến quá trình TCH về kinh tế. Sự tác động qua lại giữa TCH và các thể chế chính trị - pháp luật hết sức phức tạp, phản ánh sự tác động khách quan của TCH trong điều kiện đa dạng của các chế độ chính trị xã hội và trình độ phát triển hết sức khác nhau của các nước, tồn tại sự bất công, thiếu bình đẳng trong quan hệ quốc tế, chính sách chèn ép, nô dịch các dân tộc và sự tham lam vô độ của các tập đoàn tư bản độc quyền. Đương nhiên, trong bối cảnh đó TCH về kinh tế có cả những mặt tích cực, tạo ra thời cơ cho các quốc gia đồng thời có cả những mặt tiêu cực, đặt ra nhiều thách thức khó khăn. Bài viết này nghiên cứu sự tác động qua lại giữa TCH về kinh tế và các thể chế chính trị - pháp luật nhằm tìm ra phương cách tiếp nhận được những mặt tích cực và xung lực cần thiết đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực của làn sóng TCH.

Để phân tích được sự tác động giữa TCH về kinh tế và các thể chế chính trị pháp luật cần phải nhận thức đúng đắn khái niệm TCH về kinh tế cũng như những mặt tích cực và mặt trái của TCH về kinh tế.

## **1. Khái niệm toàn cầu hóa về kinh tế và thể chế chính trị - pháp luật**

### *a) Khái niệm toàn cầu hóa và toàn cầu hóa về kinh tế*

Thuật ngữ TCH xuất hiện vào những thập niên gần đây, được George Modelski lần đầu tiên nêu ra vào năm 1972 trong tác phẩm "Principle of the World politics" (Các nguyên tắc của chính trị toàn cầu) khi đề cập vấn đề Liên minh châu Âu vận động các nước tham gia vào thương mại toàn cầu. Cho đến những năm 80 thì thuật ngữ TCH được sử dụng rộng rãi. Tuy vậy có nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với khái niệm TCH, làm cho khái niệm này ngày càng được mở rộng phản ánh đầy đủ hơn bản chất, đặc trưng, nội dung và diễn biến của quá trình TCH.

Từ nhiều cách tiếp cận quan niệm khác nhau về TCH<sup>1</sup> có thể nhận thức khái niệm TCH trên những nội dung cơ bản sau đây:

- TCH là quá trình gia tăng mạnh mẽ những mối liên hệ, sự tác động ảnh hưởng lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới;

- TCH là một quá trình lịch sử, khách quan, là giai đoạn cao của quá trình phát triển lực lượng sản xuất thế giới, là kết quả tất yếu của sự phát triển kinh tế thị trường và khoa học công nghệ;

- TCH ngày nay, về bản chất, chính là sự tăng trưởng của hoạt động kinh tế đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia và khu vực. Nói khác đi TCH về kinh tế là nội dung chủ đạo, là động lực của TCH. Ngoài ra TCH còn diễn ra trên các phương diện chính trị, luật pháp, văn hóa, công nghệ, quân sự, sinh thái cũng như các vấn đề xã hội khác.

<sup>1</sup> Xem: Tư liệu chuyên đề "Một số khái niệm về toàn cầu hoá" số 2/2001, trang 7-36 - Học viện CTQG Hồ Chí Minh

\* PGS.TS, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Với những quan niệm trên, TCH được hiểu là xu thế phát triển tất yếu, khách quan bắt nguồn từ sự phát triển tự thân của lực lượng sản xuất ở trình độ quốc tế hóa, là kết quả tất yếu của sự phát triển kinh tế thị trường và khoa học công nghệ làm gia tăng các mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, các khu vực trên thế giới. Đương nhiên, do các nước tư bản phát triển nắm giữ lực lượng vật chất hùng hậu và những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học, công nghệ vì vậy quá trình TCH cũng là quá trình CNTB chiếm ưu thế, chi phối, lợi dụng để bành trướng phương thức sản xuất TBCN, chèn ép các quốc gia dân tộc đang phát triển và chậm phát triển để xây dựng "trật tự thế giới" theo ý muốn và phục vụ lợi ích của các tập đoàn tư bản độc quyền.

Từ những góc độ khác nhau nêu trên chúng tôi cho rằng TCH là quá trình gia tăng mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới; nó vừa là kết quả vừa là xu thế tất yếu, khách quan, nhu cầu cấp bách của sự phát triển lực lượng sản xuất và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội; trong bối cảnh tình hình quốc tế và tương quan so sánh lực lượng hiện nay, TCH đang bị các nước tư bản phát triển chi phối, lợi dụng.

Từ nhận thức chung về toàn cầu hóa nêu trên, theo chúng tôi toàn cầu hóa kinh tế cũng là xu thế khách quan của lịch sử, bắt nguồn từ sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất, của phân công lao động xã hội và kinh tế thị trường trên phạm vi toàn cầu. Trong điều kiện hiện nay của thế giới, toàn cầu hóa kinh tế là quá trình chủ nghĩa tư bản chiếm vị trí ưu thế và chi phối, đồng thời muốn bành trướng quan hệ sản xuất TBCN trên toàn thế giới, vì thế ngày càng tạo nên sự bất bình đẳng, bất công cả về kinh tế, chính trị, văn hóa giữa các nước phát triển và đang phát triển, chậm phát triển.

Toàn cầu hóa nói chung và toàn cầu hóa về kinh tế nói riêng, về bản chất, đều là những quá trình phức tạp phản ánh nhiều

mâu thuẫn khác nhau: mâu thuẫn giữa lợi ích của các tập đoàn tư bản độc quyền, các nước tư bản phát triển với chủ quyền quốc gia của các dân tộc; mâu thuẫn giữa sự tăng trưởng của cải trên thế giới với sự bất công trong phân phối dẫn tới phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng giữa các quốc gia và trong mỗi quốc gia; mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với sự suy thoái văn hóa, đạo đức v.v.

Từ những mâu thuẫn đó, toàn cầu hóa kinh tế là quá trình đấu tranh giai cấp và dân tộc của nhân dân lao động các dân tộc và các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới chống lại sự bóc lột nô dịch, áp đặt, can thiệp và xâm lược của CNTB, CNĐQ vì một thế giới hòa bình, hữu nghị, bình đẳng, hợp tác và phát triển.

Toàn cầu hóa với nội dung chủ đạo là TCH về kinh tế trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, tự do hóa thương mại, mở rộng hợp tác, đầu tư trên phạm vi toàn cầu v.v. đã có những tác động tích cực đến sự phát triển của từng nước, từng khu vực và thế giới:

Một là, TCH thúc đẩy việc chuyển giao và ứng dụng nhanh chóng những thành tựu của khoa học - kỹ thuật, công nghệ, khoa học quản lý giữa các quốc gia, tạo điều kiện để các nước đang phát triển và chậm phát triển có điều kiện tiếp nhận, phát triển công nghệ, nâng cao trình độ tổ chức, quản lý, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hai là, TCH tạo cơ hội đẩy nhanh tiến trình điều chỉnh cơ cấu ngành nghề trong từng nước, từng khu vực và trên phạm vi toàn cầu. Mỗi quốc gia sẽ có cơ hội chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy được thế mạnh của mình trên thị trường.

Ba là, TCH tạo điều kiện thuận lợi cho các nước chậm phát triển sử dụng các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa, sử dụng có hiệu quả các loại tài nguyên trong và ngoài nước.

Bốn là, TCH tạo ra cơ hội cho sự phát triển kinh tế toàn cầu. Công nghệ hiện đại, giao thông vận tải, mạng lưới thông tin bao phủ toàn cầu góp phần hạ giá thành sản

phẩm, khắc phục khủng hoảng thừa, tăng năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Các loại thị trường được mở rộng tạo cơ hội hợp tác, cạnh tranh để cùng phát triển.

*Năm là*, TCH tạo điều kiện để các quốc gia đẩy mạnh hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa, tăng thêm lòng tin và hiểu biết lẫn nhau, có lợi cho hòa bình, hợp tác, bình đẳng và phát triển.

*Sáu là*, TCH đòi hỏi hình thành và phát triển các tổ chức và định chế khu vực cũng như toàn cầu, hình thành các khung khổ pháp lý song phương, đa phương ở khu vực và trên phạm vi toàn cầu để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quan hệ quốc tế cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư pháp cũng như các vấn đề có tính toàn cầu như dân số, môi trường, lương thực, các bệnh hiểm nghèo, đấu tranh chống tội phạm và khủng bố.

Đương nhiên, trong điều kiện chế độ chính trị xã hội, trình độ phát triển giữa các nước, các khu vực rất khác nhau, bên cạnh những mặt tích cực trên của mình, TCH cũng ẩn chứa nhiều *thách thức và những mặt tiêu cực*, cụ thể là:

- Các nước tư bản phát triển có lợi thế về vốn, công nghệ đang lũng đoạn các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, IMF, WB, WTO, v.v) lợi dụng, chi phối TCH theo hướng có lợi cho các tập đoàn tư bản độc quyền, chèn ép các nước nhỏ, chậm phát triển cũng như các đối thủ khác v.v. Chính vì vậy trong điều kiện đó TCH làm tăng thêm hố sâu ngăn cách giàu nghèo và sự bất công giữa các nước phát triển và đang phát triển, chậm phát triển. Chính UNDP cũng phải thừa nhận: TCH đã mang lại sự giàu có vô độ cho những người biết tận dụng lợi thế của các luồng hàng hóa, dịch vụ tràn qua các đường biên giới quốc gia.

- Vốn và công nghệ của nước ngoài chuyển giao cho các nước đang phát triển và chậm phát triển tuy có ảnh hưởng tích cực cho sự phát triển của các nước này nhưng vẫn tồn tại không ít những hạn chế, tiêu cực. Điều kiện cho vay vốn và chuyển giao công nghệ thường bất lợi cho nước vay, hoặc chỉ

nhận được các công nghệ "phế thải" của các nước phát triển. Trong điều kiện bị chèn ép, độc lập, tự chủ của các nước nhỏ, chậm phát triển bị đe dọa, phải phục tùng ý chí của kẻ mạnh, chấp nhận các điều kiện bất lợi.

- TCH tạo ra tự do thương mại giữa các nước, nhưng hàng hóa của nước ngoài tràn vào ô ạt với giá thành hạ đang bóp chết các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp truyền thống của nước đang phát triển, chậm phát triển.

- TCH kinh tế gắn với sự phát triển của giao thông, tin học, du lịch, giao lưu văn hóa v.v, tạo nguy cơ làm xói mòn truyền thống văn hóa dân tộc, quốc tế hóa các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội.

- TCH trong điều kiện các nước phát triển có mọi lợi thế tạo ra sự bất bình đẳng quốc tế, vắt kiệt tài nguyên, lợi nhuận kể cả "chất xám" từ các nước nghèo, kém phát triển<sup>2</sup>.

### ***b) Khái niệm thể chế chính trị - pháp luật***

Trong một quốc gia, thể chế chính trị - pháp luật là tổng thể các quy định của hệ thống pháp luật về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và hệ thống chính trị nhằm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng cầm quyền.

<sup>2</sup> Theo một số báo cáo mới đây của Liên hợp quốc mặc dù kinh tế thế giới tăng trưởng nhanh nhờ toàn cầu hoá nhưng tình trạng bất bình đẳng của thế giới toàn cầu hoá ngày càng sâu sắc, tỉ lệ thuận với tốc độ toàn cầu hoá. Ở châu Á - Thái bình dương hiện có tới 1/2 tỉ người trong tổng số 1,7 tỉ lao động của khu vực bị bán thất nghiệp hoặc thất nghiệp, ở vùng Sahara châu Phi trong 10 năm 1990 - 2001 số người nghèo tuyệt đối tăng lên 90 triệu người. Ở châu Mĩ La Tinh tỉ lệ thất nghiệp tăng từ gần 7% năm 1995 lên 9% năm 2002, người bản địa và gốc da đen có thu nhập trung bình thấp hơn của người da trắng 35-65%; 80% GDP của thế giới thuộc về 1 tỉ người sống ở các nước công nghiệp phát triển, trong khi 5 tỷ người ở các nước đang phát triển chỉ chiếm 20% còn lại (theo w.w.w w nhân dân org.Việt Nam/thế giới ngày 5/9/2005) 57% dân số châu Á (1,85 tỉ người) vẫn sống với thu nhập dưới 2USD/ngày. Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng phát triển châu Á 93% trong tổng số 621 triệu người cực nghèo năm 2005 (thu nhập dưới 1 USD/ngày) đang sống tại Ấn Độ (327 triệu) Trung Quốc (173 triệu) và các nước Nam Á khác (77 triệu)

Ngoài thể chế chính trị - pháp luật của mỗi quốc gia, trong đời sống quốc tế đã hình thành các thể chế chính trị - pháp luật có tính toàn cầu hoặc khu vực, thể chế chính trị - pháp luật song phương hoặc đa phương và có thể gọi chung là *thể chế chính trị - pháp luật quốc tế*. Thể chế này thể hiện trong các văn bản pháp luật quốc tế song phương, đa phương, qua đó, thể hiện trong văn bản pháp luật của hầu hết các nước tham gia và các tổ chức, bộ máy, cơ chế vận hành nhằm thực hiện các quy định, thỏa thuận, cam kết về nhiều lĩnh vực hoặc một lĩnh vực cụ thể.

Các thể chế chính trị - pháp luật quốc tế tồn tại dưới nhiều hình thức, cấp độ hết sức đa dạng. Chẳng hạn, ở cấp độ toàn cầu có thể kể đến Tổ chức Liên hợp quốc và các văn bản của Liên hợp quốc; Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), v.v, và các định chế của chúng; ở cấp độ khu vực có thể kể đến các tổ chức và định chế của chúng như Liên minh châu Âu (EU), Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), Cộng đồng kinh tế châu Phi (ECOWAS), Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Cộng đồng phát triển kinh tế miền Nam châu Phi (SADC), Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), v.v. Ở cấp độ đa phương, song phương, các thể chế chính trị pháp luật quốc tế tồn tại dưới hình thức các hiệp ước hiệp định đa phương, song phương về nhiều lĩnh vực và có khi chỉ liên quan đến một vấn đề cụ thể. Chẳng hạn các hiệp ước hữu nghị, hợp tác; hiệp định tương trợ tư pháp; hiệp định về tránh đánh thuế 2 lần; hiệp định về đánh cá v.v.

Như vậy khái niệm thể chế chính trị - pháp luật ở đây được hiểu theo nghĩa rộng nhất của từ này. Chúng bao gồm cả thể chế chính trị - pháp luật của từng quốc gia, liên quốc gia, khu vực và cả ở phạm vi toàn cầu. Do có sự cam kết, thỏa thuận chung với nhau về các chuẩn mực trong quan hệ hợp tác, do thừa nhận chủ quyền, tư cách độc lập của nhau và là đối tác của nhau nên các thể chế này có tính chất chính trị, nhưng nội dung

của chúng lại bao gồm nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, pháp luật, môi trường, tài chính v.v. Có những thể chế mà nội dung của chúng có tính chất bao trùm mọi nguyên tắc cơ bản của quan hệ quốc tế như Tổ chức Liên hợp quốc và Hiến chương cũng như các văn bản khác do Liên hợp quốc thông qua với nhiều nước tham gia, nhưng cũng có những thể chế chỉ liên quan đến những lĩnh vực cụ thể và ở cấp độ song phương hoặc đa phương. Mặt khác các thỏa thuận, cam kết trong hợp tác quốc tế cũng như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội trong một quốc gia đều phải được thể chế hóa thành các định chế, các văn bản pháp luật quốc tế và của quốc gia. Chính vì vậy cần phải nhận thức rằng thể chế chính trị - pháp luật mà chúng ta đề cập ở đây bao gồm cả thể chế chính trị - pháp luật quốc tế và thể chế chính trị - pháp luật của từng quốc gia.

## 2. Tính chất tác động giữa toàn cầu hóa về kinh tế và các thể chế chính trị - pháp luật

Tính chất bao trùm của sự tác động giữa toàn cầu hóa về kinh tế và thể chế chính trị - pháp luật nói chung thể hiện ở chỗ sự tác động này luôn luôn *có tính hai mặt*. Tính chất hai mặt này được thể hiện cụ thể trên những điều sau đây:

*Một là*, sự tác động giữa toàn cầu hóa và các thể chế chính trị - pháp luật là *tác động lẫn nhau*. TCH kinh tế đòi hỏi sự hình thành và hoàn thiện tương ứng của các thể chế chính trị - pháp luật và ngược lại thể chế chính trị - pháp luật sẽ hỗ trợ hoặc kìm hãm, ngăn chặn, thậm chí lũng đoạn quá trình toàn cầu hóa.

*Hai là*, tác động giữa TCHKT và các thể chế chính trị - pháp luật *vừa thể hiện tính khách quan vừa thể hiện tính chủ quan*. Tính khách quan của sự tác động này thể hiện ở xu thế tất yếu, khách quan của TCHKT và vì thế TCHKT tác động một cách khách quan đến các thể chế chính trị - pháp luật. TCHKT dẫn đến hình thành các tổ chức và định chế quốc tế và bất cứ một quốc gia nào muốn phát triển cũng phải xây dựng thể chế chính trị -

pháp luật của mình bảo đảm hòa nhập vào xu thế TCHKT. Tính chủ quan của sự tác động này thể hiện ở quan hệ giữa các thể chế chính trị - pháp luật với TCHKT. Đó chính là sự nhận thức, quan điểm tiếp cận và tiếp nhận TCHKT, phương thức hòa nhập vào xu thế TCHKT của mỗi quốc gia, khu vực cũng như trên bình diện toàn cầu. Tính chủ quan của sự tác động này còn thể hiện ở mức độ tham gia vào quá trình toàn cầu hóa rất khác nhau do trình độ phát triển, các lợi thế rất khác nhau của các quốc gia. Tác động của TCHKT là khách quan nhưng muốn tham gia và tận dụng được mặt tích cực của sự tác động này các quốc gia phải phát huy mặt chủ quan của mình, đồng thời vừa hợp tác vừa đấu tranh hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của quá trình TCHKT.

*Ba là*, sự tác động giữa TCHKT và các thể chế chính trị - pháp luật *có tính độc lập và phụ thuộc tương đối*. Tính độc lập vừa thể hiện ở xu thế khách quan của TCHKT vừa thể hiện ở sự độc lập tương đối của mỗi quốc gia khi tham gia vào quá trình TCHKT, mặt khác tính độc lập tương đối này còn thể hiện vai trò độc lập, tự chủ của các quốc gia khi tham gia các tổ chức và định chế quốc tế. Khi đó các quốc gia có quyền tham gia một phần hoặc toàn bộ các định chế này, có quyền bảo lưu ý kiến để bảo vệ chủ quyền và lợi ích của mình. Tuy nhiên sự độc lập này không thể mở rộng đến mức không thể hòa nhập trở thành cô lập hoặc bị đẩy ra ngoài dòng chảy TCHKT. Chính vì vậy gắn với tính độc lập tương đối cần nhận thức đúng đắn tính phụ thuộc tương đối của sự tác động qua lại giữa TCHKT và các thể chế chính trị - pháp luật. Muốn hòa nhập và tận dụng được mặt tích cực của toàn cầu hóa, các thể chế chính trị - pháp luật phải được xây dựng tuân theo những tiêu chuẩn chung trên tinh thần hòa bình, hữu nghị, hợp tác, bình đẳng và phát triển, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi. Đồng thời các quốc gia cần phải tuân thủ các định chế quốc tế. Tuy vậy trong điều kiện các nước có trình độ phát triển khác nhau nên các định chế

quốc tế phải dành cho các nước chậm phát triển lộ trình hòa nhập thích hợp mới có thể hợp tác phát triển cùng có lợi.

*Bốn là*, sự tác động giữa toàn cầu hóa và các thể chế chính trị - pháp luật *vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực*. Tính chất này bắt nguồn từ những mặt tích cực và tiêu cực của TCHKT đã được phân tích ở mục 2, đồng thời còn bắt nguồn từ vai trò của các thể chế chính trị pháp luật quốc gia và quốc tế. Nhận thức đúng đắn xu thế TCHKT và có quan điểm thích hợp, thái độ hợp tác chân thành, cùng có lợi sẽ phát huy được mặt tích cực của toàn cầu hóa. Ngược lại nếu lợi dụng, chi phối TCHKT vì lợi ích ích kỷ và tham lam, chèn ép các dân tộc khác như một số nước tư bản phát triển đang làm, hoặc đứng ngoài cuộc đều dẫn đến tác động tiêu cực đối với TCHKT.

### **3. Thực trạng tác động giữa toàn cầu hóa về kinh tế và các thể chế chính trị - pháp luật**

Thực trạng tác động giữa TCHKT và các thể chế chính trị - pháp luật được phân tích trên các khía cạnh sau đây:

- Tác động qua lại giữa TCHKT và thể chế chính trị - pháp luật quốc tế
- Tác động qua lại giữa TCHKT và thể chế chính trị - pháp luật quốc gia.

#### ***a) Thực trạng tác động giữa toàn cầu hóa kinh tế và thể chế chính trị - pháp luật quốc tế***

Dưới tác động của TCHKT cộng đồng quốc tế dần dần hình thành các tổ chức và định chế quốc tế. Lý do để hình thành các tổ chức quốc tế cùng với các định chế của chúng có thể chế khác nhau nhưng suy cho cùng đều là sự thỏa thuận, cam kết để phân chia lợi ích, ảnh hưởng dưới sức ép của yêu cầu ổn định và phát triển kinh tế thế giới cũng như từng khu vực, từng quốc gia. Như vậy, xét đến cùng, nhu cầu phát triển kinh tế, trình độ xã hội hóa ở quy mô toàn cầu của lực lượng sản xuất cùng với sự phát sinh các vấn đề toàn cầu đặt ra yêu cầu khách quan phải hình thành các tổ chức và định chế quốc

tế, bảo đảm duy trì và thoả mãn nhu cầu phát triển của cộng đồng, giải quyết các bất đồng, tranh chấp, bảo đảm lợi ích của các thành viên tham gia các định chế đó. Cách mạng khoa học - kỹ thuật, công nghệ, sự bùng nổ thông tin, mở rộng giao lưu quan hệ, tăng cường tự do thương mại v.v. tác động mạnh đến quan hệ kinh tế quốc tế và luật pháp quốc tế; vốn, hàng hóa, lao động, thông tin và dịch vụ v.v. đã vượt qua biên giới quốc gia; cộng đồng quốc tế lại đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu gắn với quá trình hợp tác kinh tế như vấn đề môi trường, hạn chế bùng nổ dân số, phòng chống tội phạm quốc tế, ngăn chặn đại dịch AIDS, giải quyết đói nghèo, tệ nạn xã hội v.v. Trong bối cảnh đó không một quốc gia nào có thể đơn phương giải quyết mà không cần sự hợp tác quốc tế, thông qua pháp luật quốc tế và các tổ chức quốc tế.

Trong thực tế, sự ra đời của các thể chế chính trị - pháp luật quốc tế ngoài những yêu cầu khách quan nêu trên còn có sự can thiệp, chi phối, tính toán, của các siêu cường nhằm phân chia lợi ích và ảnh hưởng, nhiều khi không đếm xỉa đến các quốc gia, dân tộc khác.

Từ sự phân tích nêu trên có thể giải thích sự hình thành, phát triển và những thăng trầm, biến động cũng như vai trò của các thể chế chính trị - pháp luật toàn cầu, khu vực và tiểu vùng đang mọc lên như nấm. Chẳng hạn Tổ chức Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất mà hầu hết các quốc gia đã tham gia; Tổ chức Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đang đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển đối với kinh tế thế giới; Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) đẩy mạnh thương mại từ Alaska đến Nam Cực, Liên minh châu Âu (EU) đang trong quá trình nhất thể hóa và mở rộng tới Trung và Đông Âu; ASEAN cũng đang trong quá trình hình thành khu vực mậu dịch tự do; các nước Nam Mỹ cũng đang hình thành thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR); các

nước châu Phi tập hợp thành Cộng đồng phát triển kinh tế miền Nam châu Phi (SADC) và Cộng đồng kinh tế các nước châu Phi (ECOWAS); Khu vực Nam Á đã hình thành Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á (SAARC) và khu vực tự do thương mại Nam Á (SAPTA) và đang xúc tiến thành lập khu vực Mậu dịch tự do châu Á v.v. Ngoài ra các khu vực Mậu dịch tự do liên khu vực, liên lục địa cũng đang hình thành qua ý tưởng thành lập Diễn đàn kinh tế và kinh doanh cấp cao Á - Mỹ la tinh (ASLF), khu vực mậu dịch tự do liên khu vực AFTA với Úc và New Zealand (AFTA - CER), Tổ chức Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, Diễn đàn hợp tác Á - Âu v.v.

Trước đòi hỏi của TCHKT, ngoài các tổ chức và định chế quốc tế trên đây, hàng loạt các hiệp định, hiệp ước song phương và đa phương đã được ký kết nhằm tranh thủ mọi cơ hội để hội nhập kinh tế toàn cầu và phát huy nội lực của từng quốc gia, tận dụng mọi thời cơ tăng trưởng phát triển kinh tế cũng như bảo vệ các lợi ích của mỗi quốc gia. Việc hình thành các tổ chức và định chế quốc tế là yêu cầu, đòi hỏi khách quan của quá trình TCHKT, và đến lượt mình các tổ chức và định chế quốc tế ngày càng được hoàn thiện sẽ thúc đẩy nhanh quá trình TCHKT, tạo cơ hội cho các quốc gia hội nhập vào quá trình này và được chia phần của mình. Đương nhiên tính chất đa dạng, phức tạp, sự không đồng nhất, khả năng phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn trong từng thể chế chính trị - pháp luật quốc tế sẽ rất khác nhau. Các thể chế song phương và đa dạng sẽ có mức độ phức tạp thấp hơn các thể chế khu vực, liên vùng và toàn cầu. Mặt khác do sự chi phối, lợi dụng và lũng đoạn của CNTB đối với các thể chế chính trị - pháp luật quốc tế nên không phải bao giờ các thể chế này cũng có tác động tích cực, công bằng đối với các thành viên trong quá trình hội nhập TCHKT.

***b) Thực trạng tác động giữa TCHKT đối với thể chế chính trị - pháp luật quốc gia***

Trước làn sóng TCHKT tất cả các quốc gia đều phải điều chỉnh thể chế chính trị - pháp luật của mình nhằm thích ứng với các định chế quốc tế để có cơ hội hòa nhập kinh tế, tham gia thị trường quốc tế, tranh thủ nguồn vốn, đổi mới công nghệ, phát triển nguồn nhân lực v.v. Sự điều chỉnh này đương nhiên phụ thuộc tương đối vào các tiêu chuẩn và định chế quốc tế. Điều đó có nghĩa là các quốc gia phải chấp nhận các quy luật nghiệt ngã của kinh tế thị trường, chấp nhận các thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu và khu vực. Muốn vậy phải tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, hòa nhập pháp luật quốc gia với những định chế quốc tế đã tham gia, ký kết, phát huy nội lực để tận dụng mọi cơ hội do TCHKT đưa lại. Mặt khác do TCHKT có những tác động tiêu cực, có mặt trái của nó, do đó sự phụ thuộc tương đối trong quá trình điều chỉnh thể chế chính trị - pháp luật không có nghĩa là "hòa tan" trong môi trường TCHKT, chấp nhận vô điều kiện các yêu cầu vô lý. Trái lại, thể chế chính trị - pháp luật tương đối, giữ vững độc lập, chủ quyền của quốc gia, bảo vệ được các lợi ích chính đáng trong quá trình tiếp nhận TCHKT, đồng thời vừa đảm bảo chủ động hội nhập, phát huy được những mặt tích cực của TCHKT, ngăn chặn, hạn chế và đẩy lùi các ảnh hưởng tiêu cực của TCHKT trong quá trình phát triển của mình.

Không điều chỉnh thể chế chính trị - pháp luật để hòa nhập vào xu thế TCHKT hoặc điều chỉnh không thích hợp đều dẫn đến thất bại. Điều chỉnh để hòa nhập vào trào lưu TCHKT là yêu cầu khách quan, tạo cơ hội cho sự phát triển của đất nước. Không điều chỉnh để hòa nhập là tự loại mình khỏi cuộc chơi, không khác gì từ chối cơ hội phát triển. Giáo sư Trương Đình (Trung Quốc) còn khái quát cao hơn, ông cho rằng thể giới đã trải qua 3 làn sóng TCHKT: từ giữa thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, CNXH đã ra đời trong làn sóng này; từ những năm 70 đến những năm 80 của thế kỷ XX và từ những

năm 80 của thế kỷ XX đến nay, và do CNXH không hòa nhập vào tiến trình toàn cầu hóa nên CNXH cũng có thể sẽ bị thất bại như Liên Xô và các nước Đông Âu. Ngược lại CNXH mang đặc sắc Trung Quốc trong hơn 20 năm qua đã chủ động hòa nhập TCHKT, tìm ra con đường phát triển CNXH phù hợp với đặc điểm Trung Quốc nên công cuộc hiện đại hóa Trung Quốc giành được thành công lớn lao<sup>3</sup>.

Cần phải nhận thức rằng điều chỉnh thể chế chính trị - pháp luật của quốc gia không có nghĩa là thay đổi chế độ chính trị - xã hội, thay đổi con đường và mục tiêu của quốc gia. Nhận thức đúng đắn tính chất hai mặt của TCHKT để có sự điều chỉnh thích hợp tận dụng được mọi thời cơ, ngăn chặn và đẩy lùi ảnh hưởng tiêu cực của TCHKT nhằm thực hiện được mục tiêu chấn hưng đất nước, xây dựng được chế độ chính trị - xã hội theo nguyện vọng và ý chí của nhân dân.

**4. Nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng, phát huy vai trò của nhà nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam**

Toàn cầu hóa nói chung và toàn cầu hóa về kinh tế nói riêng luôn luôn có tính chất hai mặt, vừa tích cực vừa tiêu cực, chứa đựng cả thời cơ và thách thức. Trong quá trình đó các nước chậm phát triển như Việt Nam đang phải gánh chịu những mặt tiêu cực và những thách thức gay gắt hơn.

Như vậy, trong xu thế toàn cầu hóa, muốn tiếp tục phát triển, các nước phải chủ động hội nhập quốc tế với những bước đi thích hợp và có chính sách khôn khéo tận dụng những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa và toàn cầu hóa kinh tế, đồng thời phải đoàn kết đấu tranh chống lại sự áp đặt đe dọa của các thế lực lợi dụng toàn cầu hóa để thực hiện những ý đồ xấu xa của họ.

<sup>3</sup> Trương Đình, Tạp chí "Tư trào đương đại" (Trung Quốc) số 12/2002. Xem "Thông tin những vấn đề lý luận". Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Số 11/2002, tr. 35-36.

Nhận thức đúng đắn xu thế tất yếu khách quan cũng như những mặt tiêu cực, những thách thức của toàn cầu hóa nói chung và toàn cầu hóa về kinh tế nói riêng, trong khi tiếp tục khẳng định con đường và mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những quan điểm, chủ trương, chính sách thích hợp trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế. Đó là chủ động mở cửa hội nhập quốc tế và khu vực, đa dạng hóa đa phương hóa quan hệ quốc tế (đến nay đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước, có quan hệ thương mại với trên 130 nước, đã tham gia ASEAN, AFTA, ASEM và APEC, có quan hệ hợp tác với IMF và WB, ký hiệp định thương mại Việt - Mĩ và đang hoàn tất đàm phán gia nhập WTO v.v.).

Trong quá trình chủ động hội nhập, Đảng và nhà nước Việt Nam luôn luôn khẳng định những quan điểm, lập trường có tính nguyên tắc là: Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi; hội nhập phát triển kinh tế nhưng phải giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc; mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài, trên cơ sở phát huy nội lực là chính; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh chống mọi sự áp đặt, xâm phạm độc lập, chủ quyền bất bình đẳng, can thiệp công việc nội bộ của nước khác, tích cực góp phần đấu tranh vì một thế giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, bình đẳng và phát triển trên cơ sở pháp luật quốc tế.

Theo tinh thần trên đây, Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã nhận định: "TCHKT là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu

tranh"<sup>4</sup>. Trong bối cảnh đó, Đại hội IX của Đảng xác định chủ trương: "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc dân tộc, bảo vệ môi trường... Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang, góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng"<sup>5</sup>.

Với những nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa và TCHKT ở phần trên, chúng tôi cho rằng Nhà nước ta cần phát huy vai trò quan trọng có ý nghĩa quyết định thắng lợi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong xu thế TCHKT trên những mặt sau đây:

**Một là:** Nhà nước chủ động xây dựng các chủ trương, chính sách thích hợp nhằm xác định lộ trình, bước đi, mục tiêu trong quá trình hội nhập kinh tế *đảm bảo tận dụng được những mặt tích cực, những thuận lợi và thời cơ do quá trình TCHKT tạo ra*. Đó là nguồn vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, trình độ phát triển và khả năng hòa nhập, cạnh tranh, phát triển nguồn nhân lực v.v. Mặt khác, *đảm bảo ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi các mặt tiêu cực, các nguy cơ, thách thức cũng do chính quá trình TCHKT đặt ra*. Đó là nguy cơ đối với độc lập, tự chủ và chủ quyền đất nước, sự xâm nhập của lối sống không phù hợp với bản sắc, truyền thống dân tộc và các tệ nạn như mại dâm, ma túy; nguy cơ phát triển kinh tế không bền vững, hủy hoại tài nguyên và môi trường, nguy cơ phân hóa giàu nghèo phát sinh bất công và bất bình đẳng xã hội v.v.

**Hai là:** Nhà nước thể chế hóa các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế trong

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 64.

<sup>5</sup> *Sdd*, tr. 43.



điều kiện toàn cầu hóa thành *pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế*, đảm bảo phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường nhưng bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển bền vững, mở rộng hội nhập quốc tế và khu vực.

Mặt khác, thông qua cơ chế điều chỉnh pháp luật bảo đảm cho pháp luật được thực hiện, cũng có nghĩa là bảo đảm cho chủ trương, chính sách phát triển kinh tế được thực hiện trong thực tế. Đồng thời pháp luật do Nhà nước ban hành vừa phải thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, vừa chuyển hóa phù hợp với pháp luật và định chế quốc tế mà nhà nước tham gia ký kết *tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi* cho các hoạt động kinh tế, bảo đảm cho các thành phần kinh tế phát huy được tiềm năng, có điều kiện thuận lợi để phát triển, hòa nhập.

Nhà nước ban hành pháp luật, thể chế hóa đường lối phát triển kinh tế và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện cả trong các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp khác là một trong những yếu tố để bảo đảm dân chủ, thịnh vượng trong kinh tế, ổn định đời sống chính trị - xã hội.

**Ba là:** Nhà nước tiến hành cải cách hành chính nhà nước, cải cách tư pháp, xây dựng thể chế vững chắc và có hiệu lực, hiệu quả để thực hiện thắng lợi đường lối phát triển nền kinh tế thị trường trong điều kiện toàn cầu hóa về kinh tế. Giáo sư Hendrawan Supratikno (Indônêxia) cho rằng "việc thực hiện đúng các nguyên tắc của chính phủ trong cả công ty nhà nước và lĩnh vực tư nhân, chấp hành luật lệ và bài trừ tệ tham nhũng là những trụ cột cần thiết để một đất nước có thể thịnh vượng. Chúng ta không thể không đồng ý với câu nói của North (1990): các thể chế là luật chơi của một xã hội. Các thay đổi về mặt thể chế định hình cách mà các xã hội phát triển theo thời gian... Những kết quả khác biệt của kinh tế chịu ảnh hưởng sâu sắc theo sự phát triển của các thể chế"<sup>6</sup>.

**Bốn là:** Nhà nước có khả năng, điều kiện hỗ trợ nền kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp trong những điều kiện khủng hoảng, phá sản hoặc gặp khó khăn. Thực tiễn trên thế giới cho thấy không có nhà nước nào không thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong điều kiện khủng hoảng kinh tế, thậm chí cả khi phá sản doanh nghiệp (nếu doanh nghiệp có vị trí nhất định trong nền kinh tế). Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế nhà nước phải có trách nhiệm cùng lo cái lo của doanh nghiệp, tạo mọi thuận lợi cần thiết cho doanh nghiệp hoạt động, khi cần thiết phải cùng doanh nghiệp đấu tranh bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp (vụ kiện cá da trơn Việt Nam là bằng chứng về vai trò này của nhà nước).

Tóm lại, nhà nước có nhiều lợi thế, công cụ và điều kiện để hỗ trợ doanh nghiệp, bảo vệ doanh nghiệp, cũng như đối với cả nền kinh tế nói chung của đất nước, nhất là trong quan hệ quốc tế.

**Năm là:** Nhà nước xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình hội nhập kinh tế. Nguồn nhân lực được chuẩn bị thông qua hệ thống giáo dục của đất nước và qua thực tiễn của quá trình hội nhập; phát triển kinh tế trong điều kiện TCHK. Chỉ nhà nước mới có đủ khả năng, điều kiện xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực trên quy mô toàn xã hội đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế và thích ứng với điều kiện TCHK.

**Sáu là:** Nhà nước thay mặt quốc gia trong các quan hệ quốc tế trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa... nói chung và lĩnh vực kinh tế nói riêng bảo đảm hội nhập có hiệu quả, đồng thời bảo đảm chủ quyền, lợi ích chung của đất nước theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi.

<sup>6</sup> GS. Hendra Wan Supratikno: *Các nước đang phát triển có hy vọng ở toàn cầu hóa? Bài học của Indônêxia "Con hổ mới châu Á"*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 153, 23/12/2002.